

Soạn bài Thực hành về nghĩa của từ trong sử dụng - Ngữ văn 11

Hướng dẫn trả lời câu hỏi thực hành:

Câu 1.

a. Trong câu thơ "*Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo*", từ *lá* được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyên? Hãy xác định nghĩa đó.

b. Trong tiếng Việt, từ *lá* còn được dùng theo nhiều nghĩa khác trong những trường hợp sau: lá gan, lá phổi,... Hãy xác định nghĩa của từ *lá* trong mỗi trường hợp kể trên, cho biết cơ sở và phương thức chuyển nghĩa của từ *lá*.

Trả lời:

a. Trong câu thơ "*Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo*" (Nguyễn Khuyến - *Thu điếu*), từ "lá" được dùng theo nghĩa gốc.

Nghĩa gốc đó là: Chỉ bộ phận của cây, thường ở trên ngọn hay trên cành cây, thường có màu xanh, hình dáng mỏng, có bề mặt. Đây là nghĩa có ngay từ khi từ *lá* xuất hiện trong tiếng Việt.

b.

Trong tiếng Việt, từ "lá" còn được dùng theo nhiều nghĩa khác như:

- Trong các từ: Lá gan, lá phổi, lá mỡ, lá lách,... từ *lá* được dùng với các từ chỉ các bộ phận trong cơ thể người.

- Trong các từ: Lá thư, lá đơn, lá thiếp, lá phiếu, lá bài,... từ *lá* dùng với các từ chỉ vật bằng giấy.

- Trong các từ: Lá buồm, lá cờ,... từ *lá* dùng để chỉ các vật bằng vải.

- Trong các từ: Lá cót, lá chiếu, lá chắn, lá thuyền,... từ *lá* dùng với các từ chỉ vật bằng tre, nứa, cỏ,...

- Trong các từ: Lá tôn, lá đồng, lá vàng,... từ *lá* dùng với các từ chỉ kim loại.

Trong tất cả các trường hợp trên, từ *lá* tuy được dùng với các trường nghĩa khác nhau, nhưng vẫn có điểm chung, đó là:

- Khi dùng với các nghĩa đó, từ "lá" gọi tên các sự vật khác nhau, nhưng các vật đó có điểm giống nhau (trung đồng): Đều là các vật có hình dáng mỏng, dẹt, có bề mặt như cái lá cây.

- Do đó các nghĩa của từ *lá* có quan hệ với nhau trên cơ sở nét nghĩa chung (đều chỉ các vật có hình dáng mỏng như lá cây).

Soạn bài Thực hành về nghĩa của từ trong sử dụng - Ngữ văn 11

Câu 2. Các từ có nghĩa gốc chỉ bộ phận cơ thể người (đầu, chân, tay,...) có thể chuyển nghĩa để chỉ cả con người. Hãy đặt câu với mỗi từ đó theo nghĩa chỉ cả con người.

Trả lời.

Có nhiều từ có nghĩa gốc chỉ bộ phận cơ thể người nhưng có thể chuyển nghĩa để chỉ cả con người. Các từ thường dùng nhất trong những trường hợp như vậy là các từ: Tay, chân, đầu, miệng, tim, mặt, lưỡi,...

Có thể tham khảo các câu sau:

- Hấn có một chân trong hội đồng quản trị của công ty.
- Nhà nó có năm miệng ăn.
- Đó là những gương mặt thanh niên tiêu biểu của năm.
- Đội tuyển bóng chày Việt Nam có một tay đập vô cùng xuất sắc.

Câu 3. Tìm các từ có nghĩa gốc chỉ vị giác có khả năng chuyển nghĩa chỉ đặc điểm âm thanh, chỉ tính chất của tình cảm, cảm xúc. Hãy đặt câu với mỗi từ đó theo nghĩa chuyển.

Trả lời:

Các từ chỉ vị giác có khả năng chuyển sang chỉ đặc điểm của âm thanh (giọng nói), chỉ tính chất của tình cảm, cảm xúc: Mặn, ngọt, chua, cay, đắng, chát, bùi,...

Có thể tham khảo một số ví dụ sau:

- Chuyển nghĩa chỉ âm thanh (giọng nói):
 - + Nói ngọt lọt đến xương.
 - + Nó bỏ đi trước khi buông một câu chua chát.
- Chuyển nghĩa chỉ mức độ tình cảm, cảm xúc:
 - + Câu chuyện anh ấy kể nghe thật bùi tai.
 - + Nó đã nhận ra nỗi cay đắng khi tin tưởng quá nhiều vào công ty mới.

Câu 4. Tìm từ đồng nghĩa với từ *cậy*, từ *chịu* trong câu thơ. Giải thích lí do tác giả chọn dùng từ *cậy*, *chịu* mà không dùng các từ đồng nghĩa với nó.

Trả lời:

Soạn bài Thực hành về nghĩa của từ trong sử dụng - Ngữ văn 11

Trong hai câu thơ:

Cậy em, em có chịu lời,

Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.

Nguyễn Du dùng rất đắt hai từ *cậy* và *chịu*:

- Từ "cậy" có từ "nhờ" là từ đồng nghĩa. Hai từ này có sự giống nhau về nghĩa (bằng lời nói tác động đến người khác với mong muốn họ giúp mình làm một việc gì đó). Nhưng "cậy" khác "nhờ" ở nét nghĩa: Dùng từ "cậy" thì thể hiện được niềm tin vào sự sẵn sàng giúp đỡ và hiệu quả giúp đỡ của người khác.

- Từ "chịu" có các từ đồng nghĩa là *nhận, nghe, vâng*. Các từ này đều có chung nét nghĩa chỉ sự đồng ý, sự chấp thuận với người khác. Tuy nhiên, mỗi từ lại có những nét nghĩa riêng:

+ Nhận: Sự tiếp nhận, đồng ý một cách bình thường (nghĩa biểu cảm trung tính).

+ Nghe, vâng: đồng ý, chấp nhận của kẻ dưới đối với người trên, thể hiện thái độ ngoan ngoãn, kính trọng.

+ Chịu (lời): Thuận theo người khác theo một lẽ nào đó mà mình có thể không hài lòng. Dùng từ "chịu", Kiều tỏ được thái độ vừa tôn trọng em gái mình vừa nài ép, đồng thời coi trọng tình cảm cao quý đối với Kim Trọng.

Câu 5. Đánh dấu X trước từ ngữ thích hợp nhất để dùng vào vị trí bỏ trống trong mỗi câu sau và giải thích lí do lựa chọn.

a. *Nhật kí trong tù* /.../ một tấm lòng nhớ nước

b. *Anh ấy không* /.../ gì đến với này

c. *Việt Nam muốn làm* /.../ với tất cả các nước trên thế giới

Trả lời:

a) Chọn dùng từ *canh cánh* vì:

- Từ này khắc họa tâm trạng day dứt triền miên của Bác. Khi kết hợp với từ *canh cánh* thì cụm từ làm chủ ngữ "*Nhật kí trong tù*" được chuyển nghĩa: Không chỉ thể hiện tác phẩm, mà còn biểu hiện con người Bác Hồ (nhân hoá Nhật kí trong tù).

- Các từ khác, nếu dùng, chỉ nói đến một tấm lòng nhớ nước như là một đặc điểm nội dung của tập thơ *Nhật kí trong tù*.

Soạn bài Thực hành về nghĩa của từ trong sử dụng - Ngữ văn 11

b) Trong các từ đã cho, chỉ có thể dùng liên can. Các từ còn lại không phù hợp về ngữ nghĩa hoặc sự kết hợp ngữ pháp.

c) Trong trường hợp này cần dùng từ bạn. Các từ bầu bạn, bạn hữu, bạn bè đều có nghĩa chung là bạn, nhưng khác nhau ở chỗ:

- *Bầu bạn*, có nghĩa khái quát, chỉ cả một tập thể nhiều người, lại có sắc thái gần gũi của khẩu ngữ. Với câu đã nêu chủ ngữ “Việt Nam” (số ít, trang trọng) nên không thể dùng từ bầu bạn.

- *Bạn hữu*: Có ý nghĩa cụ thể, chỉ những người bạn thân thiết nên không phù hợp để nói về quan hệ quốc tế.

- *Bạn bè* vừa có nghĩa khái quát vừa có sắc thái thân mật, suồng sã nên cũng không phù hợp để nói về quan hệ quốc tế.